

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực  
kế hoạch – đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực kế hoạch - đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 129/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực kế hoạch - đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K1, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phi Long**

**Danh mục**  
**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội hằng tháng	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chậm nhất vào ngày 20 của kỳ báo cáo	07 lần/năm (áp dụng đối với các tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10)	Mẫu số 01 và Biểu số 01 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 8 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh					
		Cục thống kê tỉnh					
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất vào ngày 25 của kỳ báo cáo			
2	Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội quý I/9 tháng	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Đối với báo cáo quý I: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 3 của kỳ báo cáo - Đối với báo cáo 9 tháng: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 9 của kỳ báo cáo	02 lần/năm (Quý I, 9 tháng)	Mẫu số 01 và Biểu số 02 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 9 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh					
		Cục thống kê tỉnh					
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Đối với báo cáo quý I: Chậm nhất			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				vào ngày 25 tháng 3 của kỳ báo cáo - Đối với báo cáo 9 tháng: Chậm nhất vào ngày 25 tháng 9 của kỳ báo cáo			
3	Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chậm nhất vào ngày 18 tháng 6 của kỳ báo cáo	01 lần/năm (06 tháng đầu năm)	Mẫu số 01 và Biểu số 03 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 10 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Cục thống kê tỉnh					
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất vào ngày 25 tháng 6 của kỳ báo cáo			
4	Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội cả năm	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 của kỳ báo cáo	01 lần/năm	Mẫu số 01 và Biểu số 04 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày	Điều 11 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Cục thống kê tỉnh					

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 của kỳ báo cáo		13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
5	Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công	<p>Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được giao kế hoạch vốn đầu tư công</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao kế hoạch vốn đầu tư công</p> <p>Các Chủ đầu tư dự án đầu tư công</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Đối với báo cáo tháng/quý I/6 tháng đầu năm và 9 tháng: Chậm nhất vào ngày 22 tháng cuối cùng của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch</p>	12 lần/năm (các tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11; Quý I, 6 tháng đầu năm, 9 tháng và cả năm)	<p>- Đối với báo cáo tháng/quý I/6 tháng đầu năm và 9 tháng: Theo Biểu số 05 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Theo Biểu số 06 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh</p>	Điều 12 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Đối với báo cáo tháng/quý I/6 tháng đầu năm và 9 tháng: Chậm nhất vào ngày 25 tháng cuối cùng của kỳ báo cáo;			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 28 tháng 02 năm sau năm kế hoạch			
6	Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu	<p>Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được giao làm Chủ đầu tư</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm Chủ đầu tư</p> <p>Các Chủ đầu tư dự án đầu tư công</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 của kỳ báo cáo	01 lần/năm (báo cáo năm)	<p>- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Biểu mẫu số liệu báo cáo: Theo các Biểu mẫu 1, 2, 3 tại Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	Điều 13 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Kho bạc Nhà nước tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Đối với báo cáo Quý I/6 tháng đầu năm và Quý III: Chậm nhất vào ngày 10 của tháng sau kỳ báo cáo;  - Đối với báo cáo năm: Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo	04 lần/năm (Quý I, 6 tháng đầu năm, Quý III, cả năm)	Nội dung và mẫu đề cương báo cáo cụ thể của từng loại báo cáo chi tiết theo quy định tại Khoản 6 Điều 14 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 14 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được giao làm Chủ đầu tư Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm Chủ đầu tư Các Chủ đầu tư dự án đầu tư công Các nhà đầu tư dự án					
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Đối với báo cáo quý I/6 tháng đầu năm và Quý III: Chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau kỳ báo cáo;  - Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 25 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo					

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	Báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được giao làm Chủ đầu tư Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm Chủ đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 17 tháng 6 của kỳ báo cáo;	02 lần/năm (6 tháng đầu năm và năm)	- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu IV-GSDG 1 trong Phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Biểu mẫu số liệu báo cáo: Theo các Phụ đính GSDD 1.1 đến 1.8 của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Điều 15 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi		Sở Kế hoạch và Đầu tư			
9	Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Các nhà đầu tư dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Đối với báo cáo quý I/9 tháng: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 3	04 lần/năm (Quý I, 6 tháng đầu năm, 9	- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 03 kèm theo Quyết định số	Điều 16 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				<p>và ngày 30 tháng 9 của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 của năm sau kỳ báo cáo</p>	tháng, năm)	57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>- Đối với báo cáo quý I/9 tháng: Chậm nhất vào ngày 05 tháng 4 và ngày 05 tháng 10 của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của kỳ báo cáo;</p>		- Biểu mẫu số liệu báo cáo: Theo các Biểu 01 đến 09 thuộc Phụ lục III và phụ lục IV của Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	



STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				- Đối với báo cáo năm Chậm nhất vào ngày 15 tháng 02 của năm sau kỳ báo cáo			
10	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ hợp tác	<p>Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở quản lý chuyên ngành</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh</p>	<p>- Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo</p> <p>- Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất vào ngày 23 tháng 6 của kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 23</p>	02 lần/năm (6 tháng đầu năm và năm)	Mẫu số 04 kèm theo Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 17 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

<b>STT</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Đối tượng thực hiện báo cáo</b>	<b>Cơ quan nhận báo cáo</b>	<b>Thời hạn gửi báo cáo</b>	<b>Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo</b>	<b>Mẫu đề cương báo cáo</b>	<b>Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>	<b>(8)</b>
				tháng 12 của kỳ báo cáo			